

Bản án số: 110/2025/DS-PT

Ngày 25-02-2025.

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Ông Dương Anh Văn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 816/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2025/QĐPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Tú M, sinh năm 1965; địa chỉ: Đường số C, Khu dân cư T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Phan Lê H, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 02/10/2024). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu D, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Dương Tòng Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Xuân M1, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: H đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Dương Tú P, sinh năm 1966; địa chỉ: B đường T, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Phan Lê H, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 02/10/2024). (có mặt)

+ Bà Dương Tú L, sinh năm 1971; địa chỉ: E, Kennaley Crescent Scarborough O M1V 1L6-Canada. (vắng)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Tú P, sinh năm 1966. (có mặt)

+ Chị Dương Bích H1, sinh năm 1985. (vắng)

+ Anh Dương Khai T, sinh năm 1989. (vắng)

+ Anh Dương Khai T1, sinh năm 1993. (vắng)

Cùng địa chỉ: H đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà M1, chị H1, anh T và anh T1: Ông Trần Phước T2, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

+ Chị Nguyễn Dương Thúy N, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường số C, Khu dân cư T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (chết ngày 30/10/2023)

+ Phòng C tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Kim K, Trưởng phòng; địa chỉ: Đường N, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng)

4. Người kháng cáo: Bà Dương Tú M, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Dương Tú M trình bày:

Vợ chồng cụ Dương Tăng K1 (sinh năm 1919, chết ngày 04/3/2012) và cụ Tô Trường N1 (sinh năm 1931, chết ngày 25/9/2012) có 04 người con chung, gồm: ông Dương Tòng Đ, bà Dương Tú M, bà Dương Tú P và bà Dương Tú L. Quá trình chung sống, cụ K1 và cụ N1 tạo lập được căn nhà và đất diện tích 419,1m², thửa số 222, tờ bản đồ số 13, tại số H đường H, Phường C, thành phố B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Dương Tăng K1. Ngày 27/10/2004 cụ K1, cụ N1 ký hợp đồng tặng cho ông Dương Tòng Đ đối với căn nhà nêu trên. Việc tặng cho này các chị em bà đều không biết nên bà yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho tài sản lập ngày 27/10/2004 giữa cụ K1, cụ N1 với ông Đ, chia di sản thừa kế của cụ K1, cụ N1 là căn nhà và phần đất diện tích 419,1m² nêu trên theo quy định pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/10/2022, bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia di sản của cụ K1, cụ N1 để lại là phần đất đo đạc thực tế diện tích 241,5m² và căn nhà trên đất.

Bị đơn là ông Dương Tòng Đ, bà Nguyễn Thị Xuân M1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đ, bà M1 thống nhất với Nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất tranh chấp và việc tặng cho nhà đất này giữa cụ K1, cụ N1 với ông Đ. Ông Đ, bà M1 xác định hợp đồng tặng cho đã được công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu ngày 27/10/2004 nên có hiệu lực. Do đó, ông Đ, bà M1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Tú P, bà Dương Tú L thống nhất với lời trình bày của bà M; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Dương Thúy N, chị Dương Bích H1, anh Dương Khai T và anh Dương Khai T1 đều không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định (tóm tắt):

1. Đình chỉ giải quyết đối với phần đất diện tích 188,2m², do bà Dương Tú M rút yêu cầu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của bà Dương Tú M đối với căn nhà cấp 3 kết cấu Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép vách xây tường, nền lát gạch, mái bê tông cốt thép, diện tích tầng trệt 185m², tổng diện tích sàn 443,64m² và phần đất diện tích 241,5m², thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại: Số H đường H, Phường C, thành phố B, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất chuyển nhượng cho ông Ong Văn H2 có số đo 21,13m + 4,11m + 0,94m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà Trần T3 có số đo 26,26m.

- Cạnh hướng Nam giáp vỉa hè đường H có số đo 7,60m.

- Cạnh hướng Bắc giáp tường rào hăng nước đá có số đo 15,74m + 0,41m.

Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 28/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho tài sản lập ngày 27/10/2004 giữa cụ Dương Tăng K1, cụ Tô Trường N1 với ông Dương Tòng Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo.

Ngày 03/10/2023, nguyên đơn là bà Dương Tú M kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà tại số H đường H, Phường C, thành phố B, chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Dương Tú M làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn cung cấp giấy chứng tử của chị Nguyễn Dương Thúy N (con của bà Dương Tú M), được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, không thể hiện chị N có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị N không kháng cáo. Mặt khác, tại phiên tòa, cả Nguyên đơn, Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án nên không cần thiết làm thủ tục đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị N tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[2] Cũng tại phiên tòa, Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà tại số H đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với phần rút yêu cầu này.

[3] Xét kháng cáo của Nguyên đơn, thấy rằng: Vợ chồng cụ Dương Tăng K1 (chết năm 2012) và cụ Tô Trường N1 (chết năm 2012) có 04 người con, gồm: ông Dương Tòng Đ, bà Dương Tú M, bà Dương Tú P và bà Dương Tú L. Nguồn gốc thửa đất số 222, tờ bản đồ số 13, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 419,1m² là của cụ K1 được thừa hưởng từ cha của cụ là cụ Dương Mộc. Ngày 22/3/2002, cụ K1 đăng ký thửa đất trên và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ K1. Ngày 28/8/2002, cụ K1 chuyển nhượng cho người khác 188,2m², còn lại diện tích 230,9m², nhưng đo đạc thực tế là 241,5m². Số tiền chuyển nhượng đất, cụ K1 dùng để xây căn nhà cấp 3 trên một phần diện tích đất còn lại. Điều này được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[4] Ngày 27/10/2004, cụ K1, cụ N1 lập Hợp đồng tặng cho nhà ở đối với căn nhà nêu trên tại địa chỉ số H đường H, Phường C, thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu (gọi tắt là nhà đất số H H) cho ông Dương Tòng Đ. Hợp đồng được công chứng cùng ngày. Nguyên đơn cho rằng, nhà đất số H H là tài sản của hộ gia đình nên yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nhà ở nêu trên và chia di sản thừa kế của cụ K1, cụ N1.

[5] Xét thấy, thửa đất số 222 do cụ K1 được thừa hưởng từ cố Mộc nên có nguồn gốc sở hữu cá nhân chứ không phải hộ gia đình. Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (bút lục số 133) chỉ thể hiện tên người đăng ký là vợ chồng cụ K1, cụ N1 chứ không có các thành viên của hộ gia đình nên có căn cứ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **hộ** cụ K1 đối với thửa đất trên là thực hiện cấp theo mẫu. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này (bút lục số 98) không thể hiện có nhà ở gắn liền trên đất. Mặc dù vậy vẫn có cơ sở xác định nhà đất số H H là tài sản của vợ chồng cụ K1, cụ N1 nên các cụ có quyền định đoạt đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình.

[6] Theo Bị đơn khai, năm 2015, do không thực hiện được thủ tục đăng ký nhà đất nêu trên nên đã nhờ Công chứng viên ghi thêm vào Hợp đồng, cụ thể ghi thêm chữ “Hộ” vào trước Bên tặng cho và cụm từ “VÀ ĐẤT Ở” vào phía sau tiêu đề của Hợp đồng. Việc “đính chính” này làm thay đổi chủ thể và nội dung tặng cho, nhưng không có ý kiến của bên tặng cho nên hiệu lực của Hợp đồng tặng cho nhà ở ngày 27/10/2004 (bút lục từ 60 đến 65) được xác định theo nội dung của hợp đồng (gốc) và các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xác lập hợp đồng, đó là Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 1995 và Luật Đất đai (LDD) năm 2003.

[7] Theo nội dung Hợp đồng tặng cho nhà ở ngày 27/10/2004, thì “*đối tượng của hợp đồng này là toàn bộ ngôi nhà số: H đường H, Phường C TXBL [thị xã B] - tỉnh Bạc Liêu, có thực trạng như sau: a. Nhà ở ...; b. Đất ở ...*”. Như vậy, đối tượng của hợp đồng nêu trên là nhà ở và đất ở. Theo quy định tại Điều 463 của BLDS năm 1995 về tặng cho bất động sản, thì “*(1) tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền và phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu; (2) Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký...*”. Và theo quy định tại Điều 129 của LDD năm 2003, thì hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất phải được nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên được tặng cho không thực hiện đăng ký tài sản tặng cho nêu trên nên hợp đồng chưa phát sinh hiệu lực.

[8] Theo Bị đơn khai, việc không thực hiện đăng ký nhà đất nêu trên là do bận làm ăn để chăm sóc cha mẹ và cũng muốn để Cụ K1 và cụ N1 đứng tên nhà đất khi còn sống. Đây là ý chí chủ quan của Bị đơn chứ không phải do trở ngại khách quan như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm để áp dụng Án lệ số 52/2021/AL ngày 25/11/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

công nhận hiệu lực của hợp đồng tặng cho nêu trên là không đúng trong trường hợp này. Khi cụ K1, cụ N1 chết (năm 2012) thì phát sinh quyền thừa kế đối với di sản do hai cụ để lại, do đó, năm 2015, Bị đơn không còn quyền thực hiện đăng ký tài sản tặng cho theo quy định của pháp luật về thừa kế nên Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế nêu trên là có cơ sở để chấp nhận.

[9] Cụ K1, cụ N1 chết năm 2012 (cụ K1 chết trước hơn 06 tháng) không để lại di chúc nên di sản của hai cụ là nhà đất nêu trên được chia theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà nên chỉ chia thừa kế đối với quyền sử dụng thửa đất số 222. Khi cụ K1 chết chưa xảy ra tranh chấp về thừa kế đối với thửa đất trên; cụ K1, cụ N1 có chung những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên trường hợp này chỉ cần chia thừa kế một lần đối với tài sản chung của hai cụ vẫn đảm bảo quyền lợi của những người thừa kế, gồm: ông Đ, bà M, bà P và bà L.

[10] Các đương sự thống nhất ý kiến tính công sức của ông Đ trong việc giữ gìn, bảo quản di sản bằng một kỷ phần thừa kế, Bị đơn xin nhận di sản bằng hiện vật, còn những người còn lại nhận di sản là giá trị quyền sử dụng đất.

[11] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/12/2022 và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thì đất tranh chấp có giá $47.600.000 \text{ đồng/m}^2 \times 241,5 \text{ m}^2 = 11.495.400.000 \text{ đồng}$. Như vậy, giá trị di sản được chia thành 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá: $11.495.400.000 \text{ đồng} : 5 = 2.299.080.000 \text{ đồng}$. Ông Đ, bà M1 được nhận hiện vật nên có nghĩa vụ thanh toán cho bà M, bà P và bà L mỗi người số tiền 2.299.080.000 đồng.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng trong khối di sản thừa kế.

[13] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà M tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền 2.266.800 đồng.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa chưa phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[16] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dương Tú M đối với căn nhà tại địa chỉ số H đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Dương Tú M. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 21-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 609, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 129 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dương Tú M đối với bị đơn là ông Dương Tòng Đ và bà Nguyễn Thị Xuân M1 về chia di sản thừa kế của cụ Dương Tăng K1 và cụ Tô Trường N1 đối với diện tích đất 241,5m², thửa 222, tờ bản đồ số 13, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Dương Tòng Đ và bà Nguyễn Thị Xuân M1 được quyền sở hữu nhà đất tại địa chỉ số H đường H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (thửa 222, tờ bản đồ số 13) và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Tú M, bà Dương Tú P và bà Dương Tú L mỗi người số tiền 2.299.080.000 (hai tỉ hai trăm chín mươi chín triệu không trăm tám mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Dương Tú M, bà Dương Tú P và bà Dương Tú L mỗi người phải chịu 77.981.600 (bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm) đồng, riêng bà M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.750.000 (hai mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai số 007568 ngày 17-5-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Bà M còn phải nộp 53.231.600 (năm mươi ba triệu hai trăm ba mươi một nghìn sáu trăm) đồng. Ông Dương Tòng Đ và bà Nguyễn Thị Xuân M1 phải chịu 112.598.160 (một trăm mười hai triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm sáu mươi) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Bà Dương Tú M không phải chịu án phí phúc thẩm. H3 lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai số 0000001 ngày 03-10-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn